TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi
Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Quang Vinh
Ông: Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-DS ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1977 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn T, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày***: Chị chung sống như vợ chồng với anh Phạm Văn H ngày 20/8/1998 trước khi cưới có được tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn, do chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Cưới xong chị về gia đình anh H làm dâu ngay, hai người hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, nên thường bất đồng quan điểm cãi vã nhau; mặt khác anh H thường uống rượu say rồi đánh chị, nhưng chị vẫn bỏ qua; mâu thuẫn căng thẳng sảy ra vào tháng 01/2020 chị bỏ về mẹ đẻ ở hai người cắt đứt quan hệ như vợ chồng với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm như vợ chồng giữa chị và anh H không còn chị thiết tha đề nghị Tòa án tuyên bố chị với anh H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh H chung sống sinh được ba con chung là Phạm Thị Hải C, sinh ngày 04/01/2003; Phạm Xuân Trà T, sinh ngày 15/7/2010 và Phạm Xuân G, sinh ngày 02/4/2015. Hiện cháu G đang ở cùng chị, còn cháu C và cháu T đang ở cùng anh H; các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay cắt đứt quan hệ như vợ chồng chị và anh H thỏa thuận để chị nuôi cháu G, còn anh H nuôi cháu C và cháu T; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng xin tự thỏa thuận, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày***: Anh chung sống như vợ chồng với chị T ngày 16/8/1998 âm lịch, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, nhưng không đăng ký kết hôn, do chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Cưới xong chị T về gia đình anh làm dâu ngay, hai người hòa thuận đến ngày 03/02/2020, tức ngày 10/01/2020 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, không tin tưởng nhau; chị T bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 02/2020 anh có đón gọi nhưng chị T không về, hai người cắt đứt mọi quan hệ như vợ chồng với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm như vợ chồng giữa anh và chị T không còn anh thiết tha đề nghị Tòa án tuyên bố anh với chị T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chi T chung sống có ba con chung là Phạm Thị Hải C, sinh ngày 04/01/2003; Phạm Xuân Trà T, sinh ngày 15/7/2010 và Phạm Xuân G, sinh ngày 02/4/2015. Hiện cháu G đang ở cùng chị T, còn cháu C và cháu T đang ở cùng anh; các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay cắt đứt quan hệ như vợ chồng anh và chị T thỏa thuận để chị T nuôi cháu G, còn anh nuôi cháu C và cháu T; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng xin tự thỏa thuận, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị T và anh H đều có mặt giữ nguyên yêu cầu trên.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân, chị T, anh H trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị T, anh H đều có mặt. Do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H. Về con chung: Chấp nhận thỏa thuận giao anh Phạm Văn H nuôi con chung là Phạm Thị Hải C và Phạm Xuân Trà T; chị Nguyễn Thị T nuôi con chung là Phạm Xuân G, các bên được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản: Cả chị T và anh H đều không đề nghị giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện đề nghị tuyên bố không công nhận vợ chồng và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Phạm Văn H, sinh năm 1977 đều cư trú: Thôn T, thị trấn V, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật Tranh chấp hôn nhân và gia đình, đề nghị tuyên bố không công nhận vợ chồng, đề nghị giải quyết về con chung, không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị T, anh H đều có mặt. Nên HĐXX áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T chung sống như vợ chồng với anh Phạm Văn H từ tháng 8/1998, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn, vì khi đó chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, giữa chị T và anh H hoà thuận đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hàng ngày, hai người thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau. Xét thấy tình cảm như vợ chồng không còn cả chị T và anh H đều thiết tha đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa hai người. HĐXX xét thấy yêu cầu trên của chi T, anh H là phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cần tuyên bố không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng, chị T và anh H sinh được 3 con chung là Phạm Thị Hải C, sinh ngày 04/01/2003; Phạm Xuân Trà T, sinh ngày 15/7/2010 và Phạm Xuân G, sinh ngày 02/4/2015. Hiện cháu G đang ở cùng chị T; còn cháu C và cháu T đang ở cùng anh H; các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường; nay cắt đứt quan hệ như vợ chồng chị T và anh H thỏa thuận để chị T nuôi cháu G; còn anh H nuôi cháu C và cháu T; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con trẻ. Xét là phù hợp Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cả chị T, anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có sảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 227; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H là vợ chồng.

2/ Về nuôi con chung: Chấp nhận thỏa thuận; chị Nguyễn Thị T nuôi con chung là Phạm Xuân G, sinh ngày 02/4/2015; anh Phạm Văn H nuôi con chung là Phạm Thị Hải C, sinh ngày 04/01/2003 và Phạm Xuân Trà T, sinh ngày 15/7/2010; chị T, anh H được quyền thăm nom con sau khi tuyên bố không công nhận vợ chồng, không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002392 Ngày 15/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND thị trấn V, huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Thân Trọng Khôi